

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số: #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/8/2023 của UBND huyện Phước Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	506.900.000.000	1.238.339.505.131	731.439.505.131	244,3%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	78.800.000.000	76.906.020.000	-1.893.980.000	97,6%
B	CHI BỔ SUNG MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	14.264.000.000	95.112.038.392	80.848.038.392	666,8%
C	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	413.836.000.000	435.337.768.698	21.501.768.698	105,2%
I	Chi đầu tư phát triển	141.700.000.000	193.837.167.279	52.137.167.279	136,8%
1	Chi đầu tư cho các dự án	141.700.000.000	193.837.167.279	52.137.167.279	136,8%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.600.000.000	9.381.245.000	3.781.245.000	167,5%
-	Chi khoa học và công nghệ		0	0	
-	Chi quốc phòng		0	0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		98.000.000	98.000.000	
-	Chi y tế, dân số và gia đình		0	0	
-	Chi văn hóa thông tin		6.226.917.000	6.226.917.000	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		0	0	
-	Chi thể dục thể thao	15.000.000.000	8.856.332.000	-6.143.668.000	59,0%
-	Chi bảo vệ môi trường		0	0	
-	Chi các hoạt động kinh tế	113.600.000.000	157.288.642.279	43.688.642.279	138,5%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	7.500.000.000	11.986.031.000	4.486.031.000	159,8%
-	Chi bảo đảm xã hội		0	0	
-	Chi đầu tư khác		0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác		0	0	
II	Chi thường xuyên	262.136.000.000	241.500.601.419	-20.635.398.581	92,1%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	135.046.000.000	144.015.640.600	8.969.640.600	106,6%
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	100.000.000	34.451.000	-65.549.000	34,5%
-	Chi quốc phòng	3.574.000.000	3.977.151.531	403.151.531	111,3%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.825.000.000	1.934.402.972	109.402.972	106,0%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	617.000.000	1.711.083.950	1.094.083.950	277,3%
-	Chi văn hóa thông tin	2.213.000.000	2.318.053.000	105.053.000	104,7%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.095.000.000	1.969.537.000	-125.463.000	94,0%
-	Chi thể dục thể thao	450.000.000	1.188.309.000	738.309.000	264,1%
-	Chi bảo vệ môi trường	1.265.000.000	1.410.377.682	145.377.682	111,5%
-	Chi các hoạt động kinh tế	59.540.000.000	24.561.647.571	-34.978.352.429	41,3%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	40.035.000.000	40.074.901.476	39.901.476	100,1%
-	Chi bảo đảm xã hội	12.176.000.000	15.516.008.127	3.340.008.127	127,4%
-	Chi thường xuyên khác	3.200.000.000	2.789.037.510	-410.962.490	87,2%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)		0	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)		0	0	
V	Dự phòng ngân sách	10.000.000.000	0	-10.000.000.000	0,0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		0	0	
D	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		25.132.603.051	25.132.603.051	
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	605.851.074.990	605.851.074.990	

